

HƯỚNG TỚI ĐẠI LỄ KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI

## TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO TRONG "CHIẾU DỜI ĐÔ" CỦA LÝ CÔNG UẨN

NGÔ HỮU THẢO (\*)

*Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra những luận giải khoa học nhằm làm rõ thêm những tư tưởng triết học Phật giáo trong "Chiếu dời đô" của Lý Công Uẩn. "Chiếu dời đô", theo tác giả, một mặt, cho thấy tư duy triết học sâu sắc của Lý Công Uẩn về mối quan hệ giữa đế đô với vận mệnh và sự phát triển của đất nước; mặt khác, thể hiện tầm nhìn và phong cách dân chủ của người đứng đầu Nhà nước chính trị phong kiến Việt Nam thời đó.*

Ngày 2 tháng 11 năm Kỷ Dậu (tức ngày 21 tháng 11 năm 1009), được sự ủng hộ của giới Phật giáo đứng đầu là sư Vạn Hạnh cùng các triều thần, Lý Công Uẩn đã lên ngôi Hoàng đế. Ông thấy Hoa Lư chật hẹp, kinh tế nông - công - thương còn thấp kém, giao thông vận tải gặp rất nhiều khó khăn,... không đủ làm chỗ ở của đế vương, nên muốn dời đô đi nơi khác. Bởi vậy, công việc lớn đầu tiên là dời đô ra Đại La. Đầu năm 1010, Lý Công Uẩn viết *Chiếu dời đô*(1). Mùa thu, tháng 7, ông dời Kinh đô từ thành Hoa Lư sang Đại La của Kinh phủ. Thuyền tạm đỗ ở dưới thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền ngự, vì thế Đại La được đổi thành Thăng Long(2).

*Chiếu dời đô* có nội dung phiên âm Hán - Việt như sau:

"Tích Thương gia chí Bàn Canh ngũ thiên, Chu thất đãi Thành Vương tam tử. Khởi Tam Đại chi sổ quân tuần vu kỷ tự, vọng tự thiên tử. Dĩ kỳ đồ đại trạch trung, vi ức vạn thế tử tôn chi kế; thượng căn

thiên mệnh, hạ nhân dân chí, cầu hữu tiện triếp cải. Cố quốc tộ diên trường, phong tục phú phụ. Nhi Đinh Lê nhị gia, nãi tuần kỷ tự, hốt thiên mệnh, vớng đạo Thương Chu chi tích, thường an quyết áp vu tự, trí thế đại phát trường, toán số đoản xúc, bách tính hao tổn, vạn vật thất nghi. Trẫm thậm thống chi, bất đắc bất tử. Huống Cao Vương cố đô Đại La thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế. Chính Nam Bắc Đông Tây chi vị; tiện giang sơn hướng bối chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thản bình, quyết thổ cao nhi sảng khải. Dân cư miệt hân điểm chi khốn; vạn vật cực phần phụ chi phong. Biến lãm Việt bang, tư vi thắng địa. Thành tứ phương bức thấu chi yếu hội; vi vạn thế đế vương chi thượng đô.

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Xem: Trương Hải Quỳnh (chủ biên). *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, t.1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.120.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.259-260.

Trăm dục nhân thử địa lợi dĩ định quyết cư, khanh đẳng như hà?”

Nội dung trên được dịch ra tiếng Việt: “Ngày xưa nhà Thương đến Bàn Canh là năm lần dời đô, nhà Chu đến Thành Vương là ba lần dời đô, há phải là các vua dời tam đại ấy theo ý riêng mà tự dời đô bậy đâu(3), là vì mưu chọn chỗ ở chính giữa làm kế cho con cháu ức muôn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi. Bởi thế ngôi truyền dài lâu, phong tục giàu thịnh. Thế mà nhà Đinh nhà Lê lại theo lòng riêng, lơ là mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, yên ở nơi quê quán, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không nên. Trẫm rất xót thương, không thể không dời đi nơi khác. Huống chi, đô cũ của Cao Vương ở thành Đại La(4), ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa Nam - Bắc - Đông - Tây, tiện hình thể núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thực là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà đóng đô, các khanh nghĩ thế nào?”(5).

*Chiếu dời đô* là một văn phẩm có ý nghĩa to lớn trên nhiều phương diện, từ sử học, chính trị học, văn học, địa lý học,... cho đến triết học. Ngày nay, nghiên cứu về *Chiếu dời đô*, dù ở góc độ khoa học nào, các nhà nghiên cứu đều có những đánh giá rất cao, rút ra được nhiều giá trị cho cả nhận thức và thực

tiễn. *Chiếu dời đô*, một mặt, cho thấy tư duy triết học sâu sắc của Lý Công Uẩn về mối quan hệ hữu cơ giữa đế đô với tiền đồ của triều đại và cao hơn, với vận mệnh phát triển của đất nước, dân tộc Việt Nam; mặt khác, thể hiện một tầm nhìn xa, một phong cách dân chủ của người đứng đầu Nhà nước chính trị phong kiến Việt Nam thời đó.

*Chiếu dời đô*, từ phương diện triết học nói chung, đã thể hiện những quan điểm căn bản về thế giới quan, nhân sinh quan của triết học phương Đông cổ đại. Lý Công Uẩn vốn là một người có học, am tường cả tam giáo (Phật, Nho và Đạo), song được trưởng thành trực tiếp trên nền tảng triết lý và hành động của đạo Phật, nên trong *Chiếu dời đô*, quan điểm, nội dung, ý nghĩa triết học của Phật giáo được thể hiện có phần nổi trội hơn cả. Đó là thế giới quan duy vật với nguyên lý “vô thường”, “nhân duyên”, “vô ngã” cùng với các quan điểm nhân sinh, như “vô ngã”, “thập nhị nhân duyên”, “tứ khổ”, “bát chánh đạo”... Triết học Phật giáo, mặc dù

(3) *Năm lần dời đô*: Vua Thành Thang đóng đô ở huyện Thương Khâu (tỉnh Hà Nam); Trọng Đinh dời đô đến huyện Thành Cao (tỉnh Hà Nam); Hà Đản Giáp dời đô đến phủ Chương Đức (cũng thuộc Hà Nam); Tổ ất dời đô đến phủ Thuận Đức (tỉnh Hà Đông); Bàn Canh dời đô đến huyện Yên Sư (tỉnh Hà Nam). *Ba lần dời đô*: Chu Văn Vương đóng đô ở phía đông tỉnh Thiểm Tây; Chu Vũ Vương dời đô đến huyện Tương Yên, Thiểm Tây; Chu Thành Vương dời đô đến huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. *Thời Tam Đại*: Ba nhà Hạ, Thương, Chu trong lịch sử Trung Quốc.

(4) Cao Biền: Quan đô hộ Giao Châu của nhà Đường vào khoảng các năm 864-875.

(5) Bản dịch trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.259.

chỉ là một trường phái của triết học phương Đông, vốn bị triết học Ấn Độ cổ đại xếp vào loại "tà giáo"(6), nhưng trong *Chiếu dời đô*, nó hiện diện ở vị trí cao nhất và cùng với tài năng vận dụng của nhà vua trong hoạt động trị nước, đã chứng minh về tính ưu việt của nó so với các học thuyết khác dưới thời nhà Lý(7).

Còn như có ý kiến cho rằng, đồ án kinh thành Thăng Long chính là công trình tư duy của Thiền Sư Vạn Hạnh, thì điều đó cũng không có gì lạ. Bởi vì, từ xưa đến nay, các nguyên thủ quốc gia, để bảo đảm trọng trách số một của mình với đất nước, dân tộc, họ phải có tài năng, phẩm chất tập hợp được những quân sư, cố vấn giỏi giang giúp việc cho mình. Việc sư Vạn Hạnh, một đại diện rất đáng tự hào của Phật giáo Việt Nam dưới các triều đại Tiền Lê và Lý, vốn là một nhân tài vô song, một người có tấm lòng vì nước, vì dân và lại có mối thâm giao thầy trò với nhà vua, thì tư duy triết học Phật giáo của Lý Công Uẩn đã được nhân đôi. Từ đó cho thấy, như một nguyên tắc, việc cầm quyền luôn phải dựa vững chắc trên cơ sở một học thuyết nào đó và ở đây, đối với Lý Công Uẩn, cơ sở ấy là triết học Phật giáo.

Triết học Phật giáo, về mặt bản thể luận, đó là thế giới quan duy vật và mặc dù là duy vật thô sơ, chất phác, nhưng ở thời cổ đại đã được xem là rất tiến bộ. Về thế giới quan, Phật giáo không thừa nhận có thần - siêu nhiên sáng tạo ra thế giới, nên không ý lại, càng không bị lệ thuộc tới mức cam chịu vào lực lượng siêu nhiên như ở hầu hết các tôn giáo khác. Quan điểm duy vật của triết học Phật giáo gắn liền với phương pháp biện chứng. Nó lý

giải một cách thuyết phục về sự biến đổi, vận động không ngừng của mọi sự vật, hiện tượng của thế giới bằng một phạm trù căn bản nhất, đó là "vô thường" (anicca). Vạn pháp(8) là vô thường nên mọi vật, kể cả con người, không có gì là thường hằng, thường trụ, nên "vô ngã" (anatta). Chính tư tưởng duy vật biện chứng ấy là nền tảng để Lý Công Uẩn có được những chỉ dẫn về tư tưởng lý luận và sự tự tin vào bản thân, vượt qua mọi trở lực mang tính bảo thủ, siêu hình ở thời đó để dời đế đô Hoa Lư, vốn đã tồn tại qua triều đại nhà Đinh và Tiền Lê suốt 42 năm, để đến một địa điểm mới được coi "là chỗ hội hợp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời". Ý thức được việc chuyển và đặt địa bàn đế đô là vô cùng quan trọng, Lý Công Uẩn đã chủ động trong tư duy và trong hành

(6) Triết học Ấn Độ cổ đại có 9 hệ thống, được chia làm 2 loại: *Chính thống* (āstika), với 6 hệ thống: thừa nhận tính đúng đắn tuyệt đối của Veda, đó là tin vào thế giới bên kia; *Tà giáo* (nāstika), gồm 3 hệ thống: Lokāyata - Triết học duy vật, Phật giáo, Jaina giáo: không tin vào thế giới bên kia, như Phật giáo: Vô thần, phủ nhận đáng sáng tạo (vô ngã, vô tạo giả); biện chứng (vô thường, duyên khởi), song cũng có yếu tố duy tâm chủ quan.

(7) Nhiều nghiên cứu về *Chiếu dời đô* cho rằng nho học, dịch học và địa lý có vị trí to lớn, quyết định. Chúng tôi không phản đối, song thấy rằng kiến thức của Lý Công Uẩn về tam giáo: Phật - Nho - Đạo đều có ở đây theo truyền thống tam giáo đồng quy và đều có ý nghĩa nhất định. Trong *Chiếu dời đô*, kiến thức Nho giáo và Đạo giáo thiên về ứng dụng, còn kiến thức của Phật giáo là tâm định hướng (kim chỉ nam), đề cao là vì thế.

(8) *Pháp* (dhamma) có nhiều nghĩa khác nhau, ở đây hiểu theo nghĩa bản thể luận. Xem thêm: *Pháp*, từ điển Phật học của Ban Biên dịch Đạo Uyển. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2006, tr.457.

động khi lấy “cái động” tích cực để vượt qua “cái tĩnh” tiêu cực. Về việc này, đối với tư tưởng duy vật, vô thường và biện chứng của Phật giáo là chấp nhận và khuyến khích.

Tại đây cũng có ý kiến cho rằng, nếu Lý Công Uẩn là người duy vật - vô thần thì tại sao trong *Chiếu dời đô* lại đề cập tới “mệnh trời”? Về vấn đề này, Giáo sư Nguyễn Tài Thư, trong bài “*Chiếu dời đô - qua góc nhìn triết học*”, đã phân tích sâu sắc từ góc độ phổ biến của triết học phương Đông về tư tưởng “mệnh trời”. Theo Giáo sư, “viện dẫn đến tư tưởng “mệnh trời” (“thiên mệnh”), nhưng ở đây ông không phải là con người duy tâm thần bí. Trong truyền thống của triết học phương Đông, khái niệm “mệnh trời” có nhiều nghĩa, có nghĩa là mệnh lệnh của ông trời có nhân cách, nhưng đồng thời cũng có nghĩa là xu hướng vận động tất yếu của sự vật khách quan. “Mệnh trời” trong “*Chiếu dời đô*” thuộc nghĩa thứ hai. Lý Công Uẩn dùng tư tưởng “mệnh trời” chỉ có ý là: dời đô là việc tất yếu, có dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La thì mới có điều kiện làm cho triều đại vững bền, đất nước hưng thịnh”(9). Như vậy, khi Lý Công Uẩn đã đứng vững trên quan điểm vô thần của Phật giáo thì “mệnh trời” đối với ông là không thể được nhận thức theo quan điểm duy tâm khách quan, mà đó là quy luật khách quan buộc con người phải tuân theo trong sự nhận thức thấu đáo và tự tin. Là người có trình độ Phật học cao, Lý Công Uẩn đã thấm nhuần tinh thần Đức Phật dạy, được ghi trong *Kinh Pháp cú* (Dhammapada): “Các con phải tự mình nỗ lực, các đấng Như Lai chỉ là đạo

sư chỉ dạy cho con đường giác ngộ”(10) và trong *Trường bộ kinh* (Digha Nikàya): “Hãy tự xem mình là hải đảo của mình, không nên tìm nương tựa nơi ai khác”(11).

Đứng vững trên quan điểm vô thường, Lý Thái Tổ đã mạnh dạn phê phán phương pháp phi vô thường (siêu hình) của hai triều đại trước trong việc định đế đô, là “nhà Đinh nhà Lê lại theo lòng riêng, lơ là mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, yên ở nơi *quê quán*”. Bất tuân quy luật của trời đất, do đó cả hai nhà Đinh, Tiền Lê đều sớm kết thúc sứ mệnh của mình. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, các vị vua sáng lập nhà Đinh và Tiền Lê đều là bậc anh hùng, có võ công hiển hách và rất ngưỡng mộ, biết dựa vào đạo Phật để trị quốc, nên các vị đó không thể không có quan điểm duy vật của Phật giáo. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, người có lập trường duy vật không tất yếu là người có được phương pháp biện chứng, không hiếm trường hợp vẫn dừng lại ở phương pháp siêu hình.

Triết học Phật giáo, khi lý giải về tính vô thường của thế giới đã xoay quanh chủ yếu ở mối quan hệ nhân - duyên - quả với tính cách quy luật quy định sự biến đổi, phát triển của vạn vật. Đó là, cái *nhân* (hetu) nhờ có cái *duyên* (pratitya) hỗ trợ mà trở thành cái *quả* (phala); đến lượt nó, *quả* lại trở thành *nhân mới*, lại nhờ *duyên mới* để rồi sinh ra *quả mới* nữa...

(9) Nguyễn Tài Thư. *Chiếu dời đô - qua góc nhìn triết học*, [WWW.suutap.com](http://WWW.suutap.com). Lịch sử, 7-2010.

(10) *Kinh Pháp cú*, XX. Phẩm đạo, câu 276, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993, tr.61.

(11) *Trường bộ kinh*, t.1, Kinh Đại bát Niết bàn. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr.539.

Cứ như vậy, mọi sự vật, hiện tượng biến đổi không ngừng theo một quá trình, đối với vật là *sinh - thành - dị - diệt*, hay *thành - trụ - hoại - không*, đối với người là *sinh - lão - bệnh - tử*. Vậy, *nhân, duyên và quả* có mối quan hệ phụ thuộc, chuyển hoá lẫn nhau, nên theo logic, nếu người ta nhận thức được cái *nhân* như thế nào, rồi lại thấy cái *duyên* ra sao thì có thể sẽ biết trước cái *quả* như thế nào.

Dựa vào quy luật này, trong *Chiếu dời đô*, Lý Công Uẩn đã chỉ ra 2 điều: *Thứ nhất*, “nhà Đinh nhà Lê lại theo lòng riêng, lơ là mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, yên ở nơi quê quán, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không nên”. Theo câu đó, nhà Đinh, Tiền Lê đã gặp phải tới 4 nhân - duyên xấu, do chủ quan mà ra(12) (theo lòng riêng, lơ là mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, yên ở nơi quê quán) nên tất yếu dẫn đến 3 kết quả tai hại (vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không nên). *Thứ hai*, “thành Đại La, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa Nam - Bắc - Đông - Tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phân vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thực là chỗ hội hợp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời”. Ở đây, Lý Công Uẩn đã vạch ra tới 6 nhân duyên tốt đẹp, đều do khách quan, và trong sự tương tác đồng thuận, tổng hợp của các nhân duyên đó, tất yếu sẽ đem lại kết quả tốt đẹp(13).

Như vậy, nếu người ta nhận thức được quy luật vô thường của vạn pháp và vận dụng nó để thay đổi nhân duyên thì sẽ đạt tới tương lai tươi sáng. Đối với Phật giáo, nhận thức được thế giới là vô thường sẽ dẫn đến tư tưởng vô ngã, theo đó mà vượt qua được “vô minh” để vươn tới tầm cao của trí tuệ, đạt đến mục tiêu giải thoát. Về điều này, *Kinh Pháp cú* đã viết: “Các pháp đều vô ngã. Khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lìa thống khổ”(14). Do đó, bài học lớn ở đây là, các sự vật, hiện tượng không tồn tại vĩnh viễn, nhưng nếu biết dựa vào quy luật nhân duyên để kéo dài sự tồn tại tương đối của sự vật, hiện tượng nào đó thì cũng là điều khả thi và nó phụ thuộc một cách quyết định vào tài năng của người vận dụng.

Trở lại với những *nhân - duyên - quả* của nhà Đinh, Tiền Lê và của bản thân Lý Thái Tổ mà chính ông đã chỉ ra, chúng ta thấy, nhà vua chỉ hướng sự chê trách vào cái tài, cái tâm trị nước của tiền nhân mà thôi. Hơn nữa, ông còn chưa nói ra một thực tế là, chính mình, người đứng đầu thiên hạ đã giác ngộ, khi đạt đến tầm cao của tư tưởng vô ngã, thì đó cũng là nhân và là nhân to lớn nhất; theo đó, cái

(12) Ở đây rất khó và cũng chưa có điều kiện để người viết chỉ ra một cách tương đối rành mạch, rằng đâu là *nhân*, là *duyên* theo quan niệm Phật giáo.

(13) Tuy nhiên, phân tích trên mới chỉ dừng lại ở quan hệ nhân - quả và cái tất nhiên mà Phật giáo có, chứ chưa vận dụng đến các phạm trù, quy luật khác mà Phật giáo không có, hoặc không rõ, nhất là cái “ngẫu nhiên”, “lượng - chất”... của phép biện chứng duy vật hiện đại và nếu thế tình hình có thể khác hơn.

(14) *Kinh Pháp cú*, XX. Phẩm đạo, câu 279, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993, tr.62.

quả tương lai của đế đô, rộng hơn là của Đại Việt sẽ càng tươi sáng, vậy còn gì để không tin tưởng nơi ông? Đây là nguyên nhân, mà đối với đạo Phật và với Lý Công Uẩn vừa mới lên ngôi, là điều không cần nói ra, nhưng cũng không sợ người đời không hiểu. Với việc làm đầu tiên của mình ở vị thế Hoàng đế là dời đế đô, Lý Công Uẩn cho thấy ông không chỉ có kiến thức cao, tài năng vận dụng tuyệt vời về triết học Phật giáo, mà còn xứng đáng là một bậc đế vương.

Quan điểm vô ngã của Phật giáo ở phương diện nhân sinh quan có vị trí đặc biệt quan trọng. Nó không những định hướng cho nhận thức và sự tu tập, mà còn trở thành phương thức hành xử của mỗi Phật tử chân chính. Theo đó, Phật tử dù ở đâu và làm gì, về nguyên tắc, họ không bị ràng buộc bởi "cái tôi", ít nghĩ đến mình; ngược lại, phải vô ngã - vị tha, vì chỉ có như vậy mới mong đạt tới hạnh phúc, thanh tịnh, an lạc nơi Niết Bàn (Nirvana). Về điều này, *Chiếu dời đô* đã chỉ rõ: "Nhà Đinh nhà Lê lại theo lòng riêng..., yên ở nơi quê quán... Trẫm rất xót thương, không thể không dời đi nơi khác". Như vậy, với việc đóng đô ở Hoa Lư, theo Lý Công Uẩn, hai nhà Đinh, Lê đã vì mình nhiều hơn vì người khác (nhân dân), nên hậu quả là luôn rơi vào thế không ổn định, loạn lạc xảy ra ngay từ nội tộc, nội triều thống trị. Còn Lý Công Uẩn thì ngược lại, hành động dời đô không phải vì bản thân, mà cao hơn nhiều, đó là tư tưởng giải thoát chúng sinh, đại từ đại bi của nhà Phật, mà theo cách nói hiện đại là vì nước, vì dân.

Trên thực tế, nhà Đinh, Lê chọn Hoa Lư, nơi hiểm trở để làm đế đô và điều đó là hợp lý đối với việc phòng ngự. Khách quan mà nói, thời Đinh và Tiền Lê có nhiều đặc điểm khác so với thời Lý. Thời Đinh, Lê đất nước mới giành được độc lập sau một ngàn năm bị thế lực phương Bắc đô hộ, nên nhiệm vụ giữ nước, củng cố nền độc lập, tự chủ được đặt lên hàng đầu và địa bàn hiểm trở của đế đô Hoa Lư là một lựa chọn thích hợp. Nhưng sang nhà Lý, đất nước ta đã được độc lập hơn 70 năm (triều Ngô 29 năm, Đinh 13 năm và Tiền Lê 29 năm), thù trong, giặc ngoài về cơ bản có bớt hơn so với các triều đại trước; cả *nhân* và *duyên* cho việc kiến thiết, xây dựng đất nước đã đặt ra như một nhu cầu cơ bản và cấp thiết. Vì thế, kinh đô mới phải đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển mới và thành Đại La - Thăng Long đã thỏa mãn được các điều kiện cần và đủ.

Về một số hạn chế của *Chiếu dời đô*, trước đây các sử gia phong kiến Việt Nam cũng có những ý kiến nhất định, nhưng đều thừa nhận Lý Công Uẩn là người sáng suốt, lo tính lâu dài... nên noi theo (Lê Văn Hưu), Lý Thái Tổ biết nghĩ xa hơn Lê Đại Hành (Ngô Sĩ Liên).

Ngày nay, về những hạn chế của nó, một số nhà nghiên cứu cho rằng, *Chiếu dời đô* không đề cao được khát vọng độc lập và tinh thần dân tộc Việt; gọi kẻ cai trị Cao Biền là Cao Vương; phê phán hai nhà Đinh, Lê khi việc lập kinh đô ở Hoa Lư của họ thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập dân tộc rất lớn; mở đầu bài chiếu bằng hình ảnh các triều đại Trung Hoa không làm nổi bật được khát vọng hoà

binh và bản lĩnh dân tộc Việt Nam và, nội dung mang đậm màu sắc dị đoan, phong thủy, bùa phép... Những đánh giá ấy toát lên tinh thần phê phán cần thiết, nhưng về phương diện khách quan và lịch sử - cụ thể, không phải không có vấn đề cần phải được trao đổi thêm. Nhưng cũng như người xưa, số người phê phán thời nay thừa nhận: "Lý Thái Tổ, cuộc đời và sự nghiệp được đánh dấu bằng một quyết định lịch sử: dời đô và xây dựng nền móng kinh đô Thăng Long. Ông là người nhận thấy vai trò kinh đô Hoa Lư không còn phù hợp với hoàn cảnh phát triển đất nước lúc bấy giờ. Việc định đô lập nước là một vấn đề trọng đại, ảnh hưởng phần nào tới tương lai đất nước. Dời đô là khát vọng của Lý Công Uẩn, của lịch sử dân tộc. Muốn vậy, phải tìm một nơi trung tâm của trời đất, địa thế thuận tiện. Lý Công Uẩn tâm đắc nói tới cái nơi tiện hướng nhìn sông dựa núi, địa thế rộng, bằng phẳng, đất đai cao thoáng. Một nơi thuận lợi về tất cả mọi mặt thì nhân dân được ấm no, thanh bình, việc dời đô đã hợp với thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Như vậy, rõ ràng đây là một quyết định đúng đắn và sáng suốt; không ai có thể phủ nhận được"(15).

Như vậy, Phật giáo với bản chất trí tuệ và từ bi, thì trí tuệ đó được thể hiện đến đỉnh cao trong triết học. Triết học Phật giáo đã có một vai trò rất lớn, định hướng, dẫn dắt Lý Công Uẩn có được một quyết định dời đô đúng đắn. Nhưng triết học đó ra đời từ thời cổ đại ở phương Đông, nên chưa thể có sự phát triển đến sâu sắc và phong phú như triết học hiện đại(16). Vì thế, nó phản ánh

trên cả những ưu điểm, là căn bản, với những hạn chế trong *Chiếu dời đô*.

Thăng Long, từ khi Lý Công Uẩn đặt nền tảng đầu tiên, đến nay đã tròn một nghìn năm. Thăng Long từ nhà Lý, đến Đông Đô nhà Trần, Đông Kinh nhà Hậu Lê, Hà Nội nhà Nguyễn và Hà Nội ngày nay, thời đại Đảng Cộng sản Việt Nam - Hồ Chí Minh đã luôn được kế thừa, phát triển liên tục. Nhân dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, không ít người dân mong muốn Thủ đô Hà Nội lại trở về với cái tên Thăng Long, vậy nên được xem là một nguyện vọng chính đáng cần quan tâm. Hơn nữa, người dân Việt Nam ở trong và ngoài nước luôn ước nguyện: Thủ đô Hà Nội mãi xứng đáng là trung tâm văn hoá, xã hội, chính trị của toàn dân tộc; là nơi kết hợp nhuần nhuyễn, phát huy cao độ cái truyền thống với cái hiện đại: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hoà, Đoàn kết - Đoàn kết - Đại Đoàn kết, Thành công - Thành công - Đại Thành công. Tư tưởng, tình cảm ấy, để biến thành hiện thực phải là trách nhiệm cụ thể của mỗi người dân nước Việt, gốc Việt, nhưng trước hết đặt ra với những người đứng đầu đất nước hôm nay, như đã từng đặt ra với Lý Thái Tổ trước đây. □

(15) Xem: [emgaicodo2000](http://emgaicodo2000), Hai mặt của *Chiếu dời đô*, <http://chf.com.vn>, 13-08-2009, 16:14.

(16) Nhà bác học Anhstanh đã từng nói về Phật giáo: ngày nay, nếu có một tôn giáo nào gần với khoa học thì đó là Phật giáo. Theo đó đủ thấy tầm trí tuệ của tôn giáo này ở thời đương đại.